

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 01 - 2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn K

Ông Vũ Hùng T

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Đỗ Thị L Ch - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Ph.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Hoàng H My - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1988.

- **Bị đơn:** Anh Lê Hữu Đ, sinh năm 1989.

Đầu ĐKKHTT: Tổ 16, khu 2, phường V, tỉnh P.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai ngày 28/10/2025, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hữu Đ đăng ký kết hôn ngày 26/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Dữu Lâu, thành phố V, tỉnh P. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khác biệt quan điểm sống và cách nuôi dạy con cái. Từ ngày 01/10/2024 cho đến nay vợ chồng chị đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Hữu Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba con chung là Lê Diệu L, sinh ngày 18/7/2017; Lê Cát L, sinh ngày 18/7/2017; Lê Hữu T, sinh ngày 27/5/2019. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi hai con chung là Lê Diệu L và Lê Cát L, còn để anh Đ nuôi con chung là Lê Hữu T. Chị không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không lý do.*

Ngày 13/11/2025, Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Lê Hữu Đ cư trú thì được ông Lê Quang Đường là trưởng khu 02, (phường Dữu Lâu cũ), phường V, tỉnh P cho biết: Anh Lê Hữu Đ hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú và ở tại tổ 16, khu 02, (phường Dữu Lâu cũ), phường V, tỉnh P. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu Đ kết hôn với chị Phạm Thị H năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Đ, chị H đều sinh sống ở tổ 16, khu 02 (phường Dữu Lâu cũ), phường V, tỉnh P. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị H, anh Đ có nhiều mâu thuẫn, va chạm, cãi chửi nhau. Hiện nay, chị H đã sống ly thân với anh Đ và đang thuê nhà ở khu 01, phường V, tỉnh P. Hai vợ chồng hiện nay không chung sống cùng nhau. Về con chung: Chị H và anh Đ có ba con chung là cháu Lê Diệu L và Lê Cát L cùng sinh ngày 18/7/2017 và cháu Lê Hữu T, sinh ngày 27/5/2019. Hiện nay ba con chung của chị H, anh Đ đang ở với anh Đ và ông bà nội là ông Lê Hữu N và bà Nguyễn Thị H. Cháu Lê Diệu L và Lê Cát L đang học tại Trường tiểu học Dữu Lâu. Nay chị H xin ly hôn anh Đ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Hai cháu Lê Diệu L và Lê Cát L đều có nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì hai cháu xin được ở với mẹ.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do anh Đ vắng mặt nên chị H có đơn từ chối hòa giải, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo đúng quy định pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn còn chưa thực hiện đúng quy định do được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc “Ly hôn”. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Hữu Đ.

- Về con chung: Xác nhận chị Phạm Thị H và anh Lê Hữu Đ có ba con chung là Lê Diệu L, sinh ngày 18/7/2017; Lê Cát L, sinh ngày 17/7/2017; Lê Hữu T, sinh ngày 27/5/2019.

+ Giao hai con chung là Lê Diệu L và Lê Cát L cho chị Phạm Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

+ Giao con chung là Lê Hữu T cho anh Lê Hữu Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Anh Lê Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị H do chị H không yêu cầu. Chị H, anh Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Phạm Thị H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết xác định: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn chị Phạm Thị H và bị đơn anh Lê Hữu Đ. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 16, khu 02, phường V, tỉnh P. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - P là đúng quy định pháp luật.

- Đối với nguyên đơn chị Phạm Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

- Đối với bị đơn anh Lê Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]. Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Lê Hữu Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo như chị H trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do khác biệt về quan điểm sống và cách nuôi dạy con chung, vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 01/10/2024 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Quá trình giải quyết vụ án, tuy không lấy được lời khai của anh Đ nhưng qua việc xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Đ, chị H cư trú thì được ông Lê Quang Đường là trưởng khu cho biết: Vợ chồng chị H, anh Đ có nhiều mâu thuẫn, va chạm, cãi chửi nhau. Hiện nay, chị H đã sống ly thân với anh Đ và đang thuê nhà ở khu 01, phường V, tỉnh P. Hai vợ chồng hiện nay không chung sống cùng nhau.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng chị H, anh Đ hiện nay đã không còn chung sống với nhau, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh Đ là có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Chị H trình bày vợ chồng chị có ba con chung là Lê Diệu L, sinh ngày 18/7/2017; Lê Cát L, sinh ngày 18/7/2017 và Lê Hữu T, sinh ngày 27/5/2019. Quá trình giải quyết vụ án, do anh Đ không đến Tòa án giải quyết nên không lấy được lời khai của anh Đ về con chung. Còn chị H có nguyện vọng khi ly hôn chị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Lê Diệu L và Lê Cát L và để anh Đ trực tiếp nuôi con chung là Lê Hữu T.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Vợ chồng chị H và anh Đ có ba con chung, trong đó hai con gái là sinh đôi và một con trai, nếu giao cả ba con chung cho một bên bố hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì sẽ rất vất vả trong việc nuôi dạy các con chung. Do vậy, xét về nguyện vọng của chị H và hai cháu Lê Diệu L và Lê Cát L nên Hội đồng xét xử thấy rằng giao hai cháu Lê Diệu L và Lê Cát L cho mẹ là chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp vì hai cháu đều là con gái và hai cháu cũng đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ, hơn nữa chị H hiện nay cũng có công việc ổn định là làm công nhân tại Công ty Cổ phần may Pearl Việt Nam có mức thu nhập bình quân hàng tháng từ 8.000.000đ (Tám triệu đồng) đến 10.000.000đ (Mười triệu đồng), do vậy giao cho mẹ chăm sóc hai con gái sẽ rất phù hợp. Còn đối với cháu Lê Hữu T, mặc dù không lấy được lời khai của anh Đ về con chung, nhưng từ ngày bố mẹ ly thân đến nay cháu T vẫn đang ở cùng với bố, cho nên giao cháu T cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên là phù hợp. Việc giao con như vậy để san sẻ trách nhiệm của cả bố và mẹ đối với các con chung, đảm bảo các con vẫn nhận được tình yêu thương và quan tâm đồng đều từ bố mẹ và không làm ảnh hưởng đến việc học tập cũng như tâm sinh lý phát triển bình thường của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị H nhưng chị H không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H không trái đạo Đ xã hội và không vi phạm pháp luật nên được chấp nhận. Chị H, anh Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Mặc dù chị H trình bày không có nhưng do anh Đ vắng mặt không có lời khai nên không xác định được khối tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - P là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc “Ly hôn”. Xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Lê Hữu Đ.

2. Về con chung: Xác nhận chị Phạm Thị H và anh Lê Hữu Đ có ba con chung là Lê Diệu L, sinh ngày 18/7/2017; Lê Cát L, sinh ngày 18/7/2017; Lê Hữu T, sinh ngày 27/5/2019.

Giao hai con chung là Lê Diệu L và Lê Cát L cho chị Phạm Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Giao con chung là Lê Hữu T cho anh Lê Hữu Đ được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Anh Lê Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị H do chị H không yêu cầu.

Chị H, anh Đ cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Phạm Thị H xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003520 ngày 14/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh P.

5. Chị H, anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - P;
- THADS tỉnh P;
- UBND P. V, tỉnh P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị H

